

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: QUẢN LÝ VĂN HÓA
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo: 48 tháng
(Đào tạo theo học chế tín chỉ)

1. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ TC		Điều kiện tiên quyết
				Giờ LT	Giờ TH/TL	
1	Kiến thức Giáo dục đại cương		38			
1.1	Lý luận chính trị					
1.	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	24	06	Không
2.	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	36	09	ĐC001
3.	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	06	ĐC001 ĐC002 ĐC003
4.	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	36	09	ĐC001 ĐC002
5.	ĐC005	Đường lối Văn hóa Văn nghệ của ĐCSVN	2	24	06	ĐC001 ĐC002 ĐC003
1.2	Khoa học xã hội – nhân văn					
6.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	36	09	Không
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương	3	36	09	Không
8.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	06	Không
9.	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3	36	09	Không
10.	ĐC011	Mỹ học đại cương	2	24	06	Không
11.	ĐC013	Lịch sử văn minh thế giới	3	36	09	Không
1.3	Ngoại ngữ					
12.	NN001	Tiếng Anh 1	4	48	12	Không
13.	NN002	Tiếng Anh 2	3	36	09	NN001
1.4	Tin học					
14.	ĐC012	Tin học đại cương	3	15	60	Không
1.5	Giáo dục thể chất		5			
15.	GDTC	Giáo dục thể chất	5			Không
1.6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		8			
16.	GDQP	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8			Không
2	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		87			
2.1	Kiến thức ngành		26			
17.	QVH001	Dân tộc học đại cương	2	24	06	Không
18.	QVH002	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	3	36	09	QVH001
19.	QVH003	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	2	24	06	Không
20.	QVH004	Văn hóa dân gian Việt Nam	2	24	06	ĐC006

21.	QVH005	Làng xã Việt Nam	2	24	06	Không
22.	QVH006	Khu vực học	2	24	06	Không
23.	QVH007	Đại cương khoa học quản lý	3	36	09	ĐC001 ĐC002
24.	QVH008	Văn hóa học đại cương	3	36	09	Không
25.	QVH009	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	36	09	Không
26.	QVH011	Xã hội học đại cương	2	24	06	Không
27.	QVH018	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	15	30	ĐC007
2.2	Kiến thức chuyên ngành		53			
28.	QVH010	Quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch	3	36	09	QVH010
29.	QVH012	Kinh tế học văn hoá	2	24	06	ĐC001 ĐC002
30.	QVH013	Văn hóa gia đình	3	36	09	Không
31.	QVH014	Chính sách văn hóa	2	24	06	QVH007 QVH010
32.	QVH015	Các ngành công nghiệp văn hóa	2	24	06	QVH012
33.	QVH016	Marketing văn hóa nghệ thuật	2	24	06	Không
34.	QVH017	Văn hóa công sở	2	24	06	Không
35.	QVH019	Thực tập giữa chương trình	4	0	120	Không
36.	QVH020	Quản lý các thiết chế văn hóa	3	36	09	QVH010
37.	QVH021	Quản lý di sản văn hóa	3	36	09	QVH007 QVH010 QVH014
38.	QVH022	Tổ chức sự kiện	2	0	60	QVH010
39.	QVH023	Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	3	36	09	QVH007 QVH010
40.	QVH024	Quản lý hoạt động thông tin truyền thông	3	36	09	QVH010
41.	QVH025	Quản lý hoạt động nghệ thuật (<i>quảng cáo, triển lãm, hoạt động biểu diễn nghệ thuật, khu vui chơi giải trí</i>)	3	36	09	QVH010
42.	QVH026	Tổ chức quản lý hoạt động văn hóa cơ sở	3	36	09	QVH007
43.	QVH027	Xây dựng kế hoạch và dự án văn hóa	3	15	60	Không
44.	QVH028	Xây dựng văn hóa cộng đồng	3	36	09	QVH007 QVH020
45.	QVH029	Địa chỉ văn hoá	3	36	09	Không
46.	QVH030	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	4	15	90	Không
2.3	Thực tập cuối khóa		8			
47.	QVH031	Thực tập cuối khóa	8	0	240	
		Tổng 125 TC (chưa tính GDTC và GDQP)	125			

2. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Số TT	Mã số học phần	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ								Bộ môn CN
				1	2	3	4	5	6	7	8	
1.	Kiến thức giáo dục đại cương		38									
1.	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	2	2								LLCT
2.	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	3		3							
3.	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2						
4.	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3					
5.	ĐC005	Đường lối Văn hóa Văn nghệ của Đảng CSVN	2			2						
6.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		3							KHCB
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương	3		3							
8.	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3	3								
9.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			2						
10.	ĐC010	Mỹ học đại cương	2				2					
11.	ĐC011	Lịch sử văn minh thế giới	3	3								NN
12.	NN001	Tiếng Anh 1	4	4								
13.	NN002	Tiếng Anh 2	3		3							TTH
14.	ĐC012	Tin học đại cương	3	3								
Giáo dục thể chất			5									
15.	GDTC	Giáo dục thể chất	5									GDTC
Giáo dục Quốc phòng - An ninh			8									
16.	GDQP	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	8									
2	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		87									
2.1	Kiến thức ngành		26									
17.	QVH001	Dân tộc học đại cương	2			2						QLVH
18.	QVH002	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	3				3					QLVH
19.	QVH003	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	2			2						QLVH
20.	QVH004	Văn hóa dân gian Việt Nam	2				2					QLVH
21.	QVH005	Làng xã Việt Nam	2			2						QLVH
22.	QVH006	Khu vực học	2			2						QLVH
23.	QVH007	Đại cương khoa học quản lý	3		3							QLVH
24.	QVH008	Văn hóa học đại cương	3		3							QLVH
25.	QVH009	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3				3					QLVH
26.	QVH011	Xã hội học đại cương	2			2						QLVH
27.	QVH018	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2					2				QLVH
2.2	Kiến thức chuyên ngành		53									
28.	QVH010	Quản lý Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch	3				3					QLVH
29.	QVH012	Kinh tế học văn hoá	2					2				QLVH
30.	QVH013	Văn hóa gia đình	3					3				QLVH

31.	QVH014	Chính sách văn hóa	2					2				QLVH
32.	QVH015	Các ngành công nghiệp văn hóa	2					2				QLVH
33.	QVH016	Marketing văn hóa nghệ thuật	2						2			QLVH
34.	QVH017	Văn hóa công sở	2						2			QLVH
35.	QVH019	Thực tập giữa chương trình	4					4				QLVH
36.	QVH020	Quản lý các thiết chế văn hóa	3						3			QLVH
37.	QVH021	Quản lý di sản văn hóa	3							3		QLVH
38.	QVH022	Tổ chức sự kiện	2						2			QLVH
39.	QVH023	Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	3						3			QLVH
40.	QVH024	Quản lý hoạt động thông tin truyền thông	3						3			QLVH
41.	QVH025	Quản lý hoạt động nghệ thuật (quảng cáo, triển lãm, hoạt động biểu diễn nghệ thuật, các khu vui chơi giải trí)	3							3		QLVH
42.	QVH026	Tổ chức quản lý hoạt động văn hóa cơ sở	3								3	QLVH
43.	QVH027	Xây dựng kế hoạch và dự án văn hóa	3							3		QLVH
44.	QVH028	Xây dựng văn hóa cộng đồng	3							3		QLVH
45.	QVH029	Địa chí văn hoá	3							3		QLVH
46.	QVH030	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	4								4	QLVH
2.3	Thực tế và Thực tập tốt nghiệp											
47.	QVH031	Thực tập cuối khóa	8								8	QLVH
	Tổng 125 Tín chỉ											
	82 TC lý thuyết; 43 TC thực hành											
	(chưa tính GDTC và GDQP)		125	15	18	16	16	15	15	15	15	